

**10. PHƯỜNG PHONG DINH***ĐVT: Đồng/m<sup>2</sup>*

| STT                                     | Tên đường                                                                                                 | Đoạn đường |     | Giá đất  |          |          |          |
|-----------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------|-----|----------|----------|----------|----------|
|                                         |                                                                                                           | Từ         | Đến | Vị trí 1 | Vị trí 2 | Vị trí 3 | Vị trí 4 |
| I. Các tuyến ven đường giao thông chính |                                                                                                           |            |     |          |          |          |          |
| 1                                       | Quốc lộ 49B đoạn qua xã Phong Hòa (cũ)                                                                    |            |     |          |          |          |          |
|                                         | Đoạn từ phía Bắc cầu Phước Tích đến phía Nam cầu Trạch Phồ                                                |            |     | 360,000  | 294,000  | 264,000  | -        |
|                                         | Đoạn từ phía Nam cầu Trạch Phồ đến hết ranh giới xã Phong Hòa (cũ)                                        |            |     | 438,000  | 390,000  | 312,000  | -        |
| 2                                       | Quốc lộ 49B đoạn qua xã Phong Bình (cũ)                                                                   |            |     |          |          |          |          |
|                                         | Đoạn từ Chợ Ưu Diễm về đến cầu Vĩnh An 1                                                                  |            |     | 390,000  | 276,000  | 234,000  | -        |
|                                         | Đoạn từ cầu Vĩnh An 1 đến cầu Vân Trình                                                                   |            |     | 306,000  | 246,000  | 186,000  | -        |
| 3                                       | Tỉnh lộ 6 đoạn qua xã Phong Hòa (cũ)                                                                      |            |     | 252,000  | 204,000  | 168,000  | -        |
| 4                                       | Tỉnh lộ 6 đoạn qua xã Phong Chương (cũ)                                                                   |            |     |          |          |          |          |
|                                         | Đoạn từ vị trí giao Tỉnh lộ 4 (ngã ba xã) đến cổng Am Bàu                                                 |            |     | 282,000  | 228,000  | 192,000  | -        |
|                                         | Đoạn từ cổng Am Bàu đến giáp địa giới hành chính xã Phong Hòa (cũ)                                        |            |     | 246,000  | 198,000  | 186,000  | -        |
| 5                                       | Tỉnh lộ 9: Từ Tỉnh lộ 6 (Tổ Dân phố Đức Phú) đến ranh giới thị trấn Phong Điền (cũ) và xã Phong Hiền (cũ) |            |     | 252,000  | 204,000  | 168,000  | -        |
| 6                                       | Tỉnh lộ 6B: Từ ranh giới xã Phong Thu (cũ) đến Quốc lộ 49B                                                |            |     | 252,000  | 204,000  | 168,000  | -        |
| 7                                       | Tỉnh lộ 4 đoạn qua xã Phong Chương (cũ)                                                                   |            |     |          |          |          |          |
|                                         | Đoạn từ giáp xã Phong Bình (cũ) đến đường bê tông vào chùa Chí Long                                       |            |     | 348,000  | 282,000  | 264,000  | -        |
|                                         | Đoạn từ đường bê tông vào chùa Chí Long đến Hợp tác xã Nhất Phong                                         |            |     | 396,000  | 324,000  | 270,000  | -        |
|                                         | Đoạn từ Hợp tác xã Nhất Phong đến hết giáp ranh giới xã Quảng Thái (cũ)                                   |            |     | 348,000  | 282,000  | 264,000  | -        |
| 8                                       | Tỉnh lộ 4 đoạn qua xã Phong Bình (cũ)                                                                     |            |     |          |          |          |          |
|                                         | Đoạn từ cầu Mụ Tú (nhà ông Phan Công Ninh) Tổ Dân phố Vĩnh An về đến Nhà văn hóa Tổ Dân phố Triều Quý     |            |     | 366,000  | 294,000  | 258,000  | -        |
|                                         | Đoạn từ nhà văn hóa Tổ dân phố Triều Quý về đến trạm bơm Bình Chương                                      |            |     | 300,000  | 240,000  | 198,000  | -        |
| 9                                       | Tỉnh lộ 8C                                                                                                |            |     | 282,000  | 228,000  | 192,000  | -        |
| 10                                      | Đường Cứu hộ - Cứu nạn nổi dãi: Từ giáp ranh giới xã Phong Hiền (cũ) đến giáp ranh giới xã Điền Lộc (cũ)  |            |     | 246,000  | 198,000  | 186,000  | -        |

| STT                  | Tên đường                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | Đoạn đường |     | Giá đất  |          |          |          |
|----------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------|-----|----------|----------|----------|----------|
|                      |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | Từ         | Đến | Vị trí 1 | Vị trí 2 | Vị trí 3 | Vị trí 4 |
| II. Các vùng còn lại |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            |            |     |          |          |          |          |
|                      | Xã Phong Hòa (cũ)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          |            |     |          |          |          |          |
| 11                   | Vùng 1: Các Tổ dân phố:<br>- Mỹ Xuyên – Phước Tích (Phước Phú, Hoà Đức, Đông Thượng cũ);<br>- Ưu Diễm (Tư, Ba Bàu Chợ cũ);                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 |            |     | 138,000  | 120,000  | -        | -        |
| 12                   | Vùng 2: Các Tổ dân phố:<br>- Mỹ Xuyên – Phước Tích (Cang Cư Nam cũ);<br>- Trạch Phổ (Thuận Hoà, Xóm Đình Rộc, Xóm Tây Thuận thuộc Tổ Dân phố Trạch Phổ cũ);<br>- Ưu Diễm (Khu vực Chùa thuộc Tổ Dân phố Chùa Thiềm Thượng cũ);                                                                                                                                                                                                                                                                                             |            |     | 120,000  | 108,000  | -        | -        |
| 13                   | Vùng 3: Các Tổ dân phố:<br>- Ưu Diễm (Niêm, khu vực Thiềm Thượng thuộc Tổ dân phố Chùa Thiềm Thượng cũ);<br>- Mỹ Xuyên – Phước Tích (Trung Cọ-Mê cũ);<br>- Trạch Phổ (xóm Đông An thuộc Tổ Dân phố Trạch Phổ cũ);<br>- Các vị trí còn lại                                                                                                                                                                                                                                                                                  |            |     | 102,000  | -        | -        | -        |
|                      | Xã Phong Bình (cũ) và xã Phong Chương (cũ)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 |            |     |          |          |          |          |
| 14                   | Vùng 1: Các Tổ dân phố:<br>- Vĩnh Hoà (Vĩnh An, Xóm Quán Tổ Dân phố Hoà Viện cũ)<br>- Lương Đại: Dọc Tỉnh lộ 4 (thuộc các Tổ dân phố Lương Mai, Đại Phú cũ): từ hết vị trí 3 của đường giao thông chính kéo dài thêm 50m.<br>- Chí Long: Dọc Tỉnh lộ 4 và Tỉnh lộ 6 (thuộc các Tổ Dân phố, Trung Thạnh, Chính An cũ): từ hết vị trí 3 của đường giao thông chính kéo dài thêm 50m.<br>- Phong Phú: Dọc Tỉnh lộ 4 (thuộc các Tổ dân phố Mỹ Phú, Nhất Phong cũ): từ hết vị trí 3 của đường giao thông chính kéo dài thêm 50m |            |     | 174,000  | 150,000  | -        | -        |

| STT | Tên đường                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | Đoạn đường |     | Giá đất  |          |          |          |
|-----|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------|-----|----------|----------|----------|----------|
|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | Từ         | Đến | Vị trí 1 | Vị trí 2 | Vị trí 3 | Vị trí 4 |
| 15  | Vùng 2: Các Tổ dân phố:<br>- Phò Trạch – Siêu Quần (các Tổ dân phố Tả Hữu Tự cũ).<br>- Vân Trình (các Tổ dân phố Tây Phú (Vân Trình cũ), Trung Thạnh, Đông Phú cũ).<br>- Lương Đại (các Tổ Dân phố: Lương Mai, Đại Phú cũ).<br>- Chí Long (các Tổ Dân phố: Trung Thạnh, Chính An cũ).<br>- Phong Phú (các Tổ Dân phố: Mỹ Phú, Nhất Phong, Bàu cũ). |            |     | 150,000  | 138,000  | -        | -        |
| 16  | Vùng 3: Các Tổ dân phố:<br>- Phò Trạch – Siêu Quần (các Tổ dân phố: Đông Mỹ, Triều Quý, Rú Hóp, Đông Trung Tây Hồ, Tây Phú (Phò Trạch), Siêu Quần cũ).<br>- Vĩnh Hoà (xóm Đình Tổ Dân phố Hoà Viện cũ)<br>- Vân Trình (xóm Tân Bình cũ).<br>- Các vị trí còn lại                                                                                   |            |     | 102,000  | -        | -        | -        |